

Quản lý an toàn thông tin

Luật Việt Nam
Về an toàn thông tin

Nội Dung:

01

I. Giới thiệu về ATTT ở Việt Nam

02

II. Các tiêu chuẩn về hệ thống pháp luật ở Việt Nam về ATTT

03

III. Các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam về ATTT

04

IV. Luật Việt Nam về ATTT

05

V. Thực trạng ATTT mạng ở Việt Nam

06

VI. Liên hệ Luật Quốc Tế

01

I. Giới thiệu về **ATTT** ở **VIỆT NAM**

I. Giới thiệu về ATTT ở Việt Nam

1. Khái niệm về ATTT

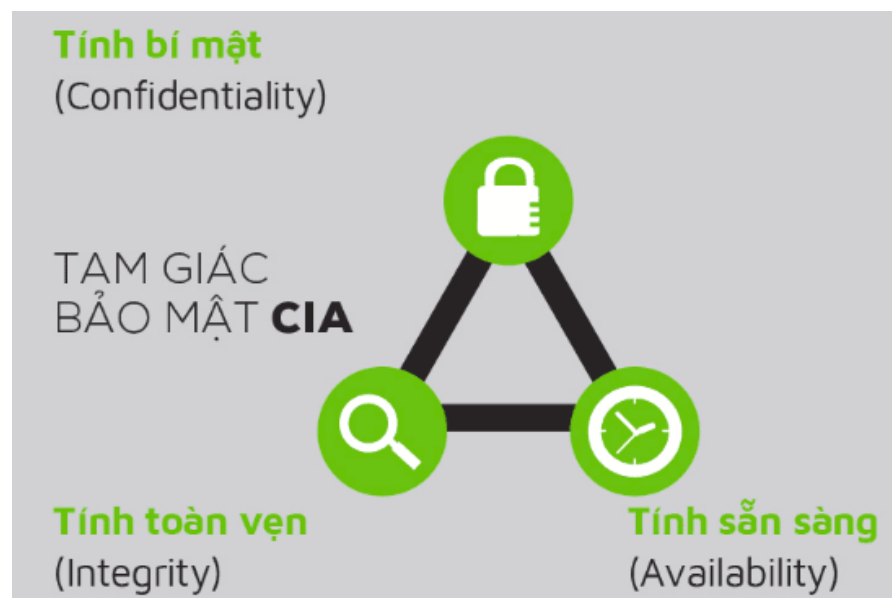


➤ Khái niệm

Là các hoạt động **bảo vệ tài sản** thông tin và là một lĩnh vực rộng lớn, nó bao gồm cả những quy trình nhằm ngăn chặn truy cập trái phép, hiệu chỉnh và xóa thông tin,...



➤ Mục tiêu





Vai trò của ATTT:

Đảm bảo tài sản quan trọng của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không bị truy nhập sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép, đảm bảo tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin.

Đảm bảo thông tin trên mạng không gây hại đến an ninh Quốc Gia, trật tự an toàn xã hội, bí mật nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.



I. Khái quát về pháp luật và chính sách ATTT

Các chính sách và pháp luật có vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo an toàn cho thông tin, hệ thống và mạng:

- Trong đó vai trò của nhân viên đảm bảo an toàn cho thông tin là rất quan trọng trong việc giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn cho thông tin, hệ thống và mạng và giảm thiệt hại nếu xảy ra sự cố.
- Các nhân viên đảm bảo an toàn cho thông tin phải hiểu rõ những khía cạnh pháp lý và đạo đức ATTT.
- Thực hiện việc giáo dục ý thức về luật pháp và đạo đức ATTT cho cán bộ quản lý và nhân viên trong tổ chức, đảm bảo sử dụng đúng mục đích các công nghệ đảm bảo ATTT.

Khái quát về pháp luật và chính sách ATTT

Trách nhiệm của tổ chức về ATTT:

- Trách nhiệm trước pháp luật của tổ chức đó về luật hình sự và luật hợp đồng.
- Tổ chức có trách nhiệm pháp lý phải hoàn trả và đền bù cho những hành vi vi phạm pháp luật.
- Nếu 1 thành viên của công ty / tổ chức thực hiện hành vi phạm pháp hoặc phi đạo đức, gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức khác thì công ty / tổ chức đó phải chịu trách nhiệm pháp lý và tài chính.

I. Giới thiệu về ATTT ở Việt Nam

1. Luật là gì ?

- Luật là đơn vị cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh một loại quan hệ xã hội có cùng tính chất, nội dung.
- Luật là một loại văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội ban hành, có hiệu lực pháp lý cao nhất, chỉ dưới Hiến pháp.
- Hiến pháp là một hệ thống cao nhất của pháp luật quy định những nguyên tắc chính trị căn bản và thiết lập thủ tục, quyền hạn, trách nhiệm của một chính quyền.
 - Luật không chỉ là công cụ quản lý Nhà nước hiệu quả mà còn là yếu tố quan trọng và cần thiết trong nhiều lĩnh vực khác.
 - Gồm: Luật dân sự, Luật hình sự



I. Giới thiệu về ATTT ở Việt Nam

2. Luật, chính sách, đạo đức

LUẬT

- ✓ Gồm những điều khoản bắt buộc hoặc cấm những hành vi cụ thể;
- ✓ Các điều luật thường được xây dựng từ các vấn đề đạo đức

ĐẠO ĐỨC

- ✓ Định nghĩa những hành vi xã hội chấp nhận được
- ✓ Đạo đức thường dựa trên các đặc điểm văn hóa
- ✓ Thông thường, đạo đức có tính ràng buộc thấp hơn so với luật pháp ở khía cạnh thực hiện.

CHÍNH SÁCH

- ✓ Là các "luật" của tổ chức có giá trị thực thi trong nội bộ, gồm một tập các quy định và các chế tài xử phạt bắt buộc phải thực hiện.

➤ Luật được thực thi bởi các cơ quan chính quyền, còn Đạo đức thì không.

➤ Luật luôn bắt buộc, còn thiếu hiểu biết chính sách là 1 cách bào chữa chấp nhận được

II. Các tiêu chuẩn về hệ thống pháp luật ở Việt Nam về ATTT



Ở góc độ xã hội, các hoạt động CNTT ảnh hưởng tới nhiều đối tượng cũng như lĩnh vực khác nhau nên chịu sự tác động của nhiều luật nhằm xác định và điều chỉnh các hành vi cũng như kiểm soát việc truy nhập và sử dụng thông tin như:

- ✓ Sử dụng, trao đổi và phân phát dữ liệu
- ✓ Sử dụng máy tính cho việc xử lý, trao đổi dữ liệu
- ✓ Thông tin cá nhân
- ✓

Chia làm 4 tiêu chuẩn chung:

1

Đồng bộ và toàn diện

Bao quát được tình hình an toàn thông tin và xác định rõ được ranh giới giữa các ngành luật với nhau từ đó đồng bộ giữa các ngành luật với nhau

2

Luôn luôn thống nhất

Thống nhất mục đích chung đưa đến sự triệt để về đảm bảo an toàn thông tin ở Việt Nam

3

Ban hành phù hợp

Phù hợp với trình độ kỹ thuật CNTT ở Việt Nam và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

4

Phải có khả năng thực hiện được

Đảm bảo tính khả thi, các quy định phải có khả năng thực hiện được trong điều kiện Kỹ Thuật, Kinh Tế, Chính Trị - Xã Hội hiện tại.

III. Các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam về ATTT

Các đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật:

- ✓ Là văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- ✓ Có chứa đựng các quy tắc xử sự chung mang tính bắt buộc.
- ✓ Được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội đối với những trường hợp khi có những sự kiện pháp lý xảy ra. Sự thực hiện văn bản không làm chấm dứt hiệu lực của nó.
- ✓ Tên gọi, nội dung, trình tự ban hành được quy định cụ thể trong luật.

HỆ THỐNG VB QPPL THEO LUẬT MỚI (SỬA ĐỔI) CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/01/2021				
HIẾN PHÁP (Quốc hội)				
BỘ LUẬT (Quốc hội)		LUẬT (Quốc hội)		NGHỊ QUYẾT (QH)
PHÁP LỆNH (UBTVQH)	NGHỊ QUYẾT (UBTVQH)		NQ LIÊN TỊCH (UBTVQH với Đoàn CT UBTWMTTQVN)	NQ LIÊN TỊCH (UBTVQH, CP, Đoàn CT UBTWMTTQVN)
LỆNH (Chủ tịch nước)			QUYẾT ĐỊNH (Chủ tịch nước)	
NGHỊ ĐỊNH (Chính phủ)			NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH (CP với Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQVN)	
QUYẾT ĐỊNH (Thủ tướng Chính phủ)				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)				
THÔNG TƯ (Chánh án TANDTC)	THÔNG TƯ (Viện trưởng VKS NDTC)	THÔNG TƯ (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ)	THÔNG TƯ LIÊN TỊCH (Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC, Tổng Kiểm toán NN, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ)	QUYẾT ĐỊNH (Tổng Kiểm toán nhà nước)
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)				
Văn bản QPPL (chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt)				
NGHỊ QUYẾT (Hội đồng nhân dân cấp huyện)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp huyện)				
NGHỊ QUYẾT (của Hội đồng nhân dân cấp xã)				
QUYẾT ĐỊNH (Ủy ban nhân dân cấp xã)				

III. Các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam về ATTT



Các văn bản Pháp Luật do Quốc Hội Việt Nam ban hành (Luật 80/ 2015/ QH13):

- ✓ **Hiến pháp:** có hiệu lực pháp lý cao nhất và quy định những vấn đề cơ bản của Quốc Gia.
- ✓ **Bộ luật, luật:** nhằm mục đích cụ thể hóa hiến pháp điều chỉnh các quan hệ xã hội trong các lĩnh vực đời sống nhà nước và xã hội.

Các văn bản dưới luật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực pháp lý thấp hơn:

- ✓ **Pháp lệnh, Nghị Quyết** của ủy ban thường vụ Quốc Hội.
- ✓ **Lệnh, quyết định** của Chủ Tịch nước.
- ✓ **Nghị Định** của chính phủ, **Quyết định** của Thủ tướng chính phủ.
- ✓ **Thông tư** (Thông tư liên tịch) của bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

III. Các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam về ATTT



Ví dụ:

99/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	CNTT, điện tử	<u>Phê duyệt Đề án "đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020"</u>	14/01/2014
1281/QĐ-BTTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Quyết định	CNTT, điện tử, Cơ cấu tổ chức	<u>Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục An toàn thông tin</u>	09/09/2014
893/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	CNTT, điện tử	<u>Phê duyệt Đề án Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin đến năm 2020</u>	19/06/2015
1883/QĐ-BTTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Quyết định	Cơ cấu tổ chức	<u>Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tư vấn và hỗ trợ nghiệp vụ an toàn thông tin</u>	02/11/2015
898/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	CNTT, điện tử	<u>Phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016 - 2020</u>	27/05/2016

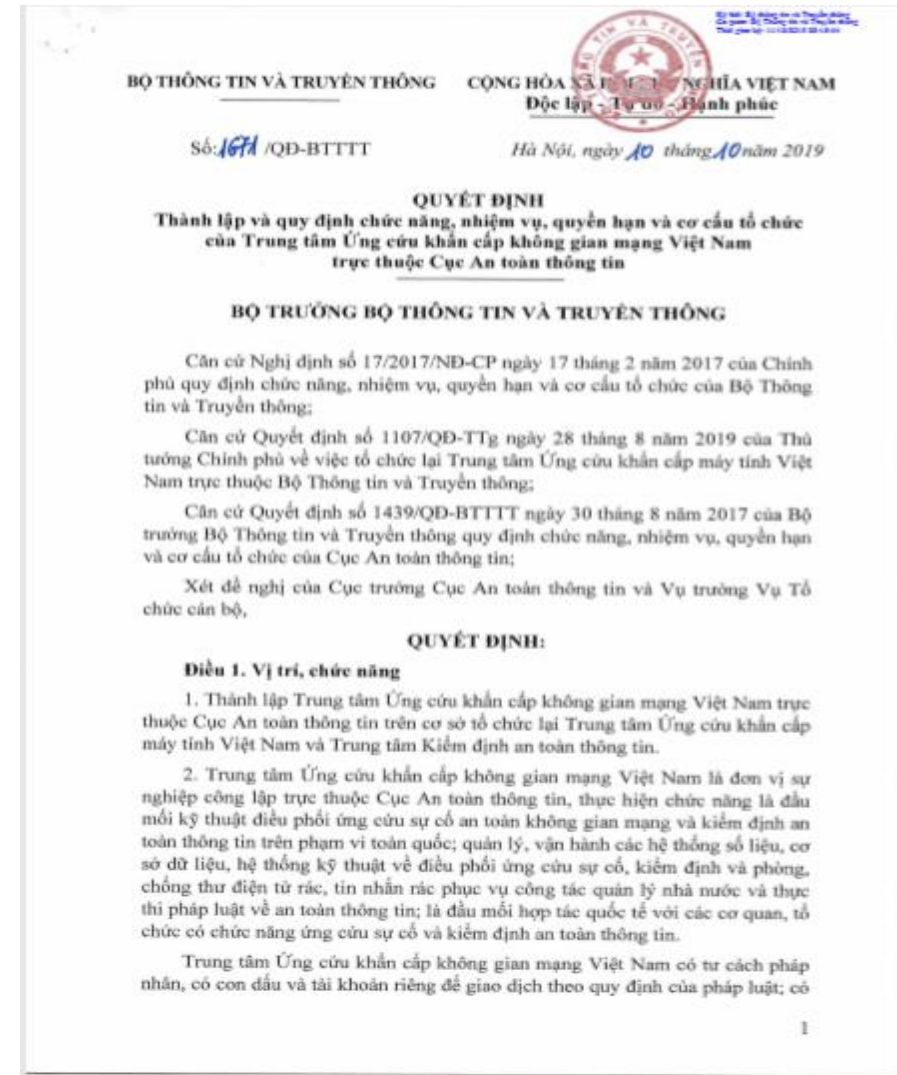
III. Các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam về ATTT

1. Văn bản theo hình thức “Quyết định”.

Quyết định là văn bản quy phạm pháp luật được dùng để ban hành các biện pháp, thể lệ cụ thể một số loại quyết định cá biệt được ban hành dưới hình thức lời nói, dấu hiệu...

Ví dụ:

- ✓ **Số hiệu:** 1671/QĐ-BTTTT
- ✓ **Cơ quan ban hành:** Bộ Thông tin và Truyền thông
- ✓ **Hình thức văn bản:** quyết định
- ✓ **Lĩnh vực:** Cơ cấu tổ chức
- ✓ **Trích yếu nội dung:** Thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam trực thuộc Cục An toàn thông tin
- ✓ **Ngày ban hành:** 10/10/2019



Ví dụ:

Số hiệu	Cơ quan ban hành	Hình thức văn bản	Lĩnh vực	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành
71/2004/QĐ-BCA(A11)	Khác	Quyết định	Lĩnh vực khác	Quyết định 71/2004/QĐ-BCA(A11) của Bộ Công an về việc ban hành Quy định về đảm bảo an toàn, an ninh trong hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet tại Việt Nam	29/01/2004
63/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	CNTT, điện tử	Phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020	13/01/2010
884/QĐ-BTTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Quyết định	CNTT, điện tử	Phân công nhiệm vụ trong việc triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2010	21/06/2010
36/2010/QĐ-UBND	Khác	Quyết định	CNTT, điện tử	Ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước tỉnh Khánh Hòa	12/11/2010
22/2013/QĐ-UBND	Khác	Quyết định	CNTT, điện tử	Ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre	08/08/2013



III. Các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam về ATTT

2. Văn bản theo hình thức “Thông Tư”

- ✓ Thông tư thường là văn bản hướng dẫn nghị định của Chính phủ, liên quan đến ngành hay lĩnh vực do bộ, ngành quản lý.
- ✓ Ví dụ:

Số hiệu	Cơ quan ban hành	Hình thức văn bản	Lĩnh vực	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành
06/2008/TTLT-BTTTT-BCA	Liên bộ, Ngành	Thông tư	Viễn thông, Lĩnh vực khác	<u>Về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin</u>	28/11/2008
25/2010/TT-BTTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Thông tư	CNTT, điện tử	<u>Quy định việc thu thập, sử dụng, chia sẻ, đảm bảo an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước</u>	15/11/2010

Ví dụ (tiếp):



20/2011/TT-BTTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Thông tư	Viễn thông, CNTT, điện tử	<u>Quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông</u>	01/07/2011
23/2011/TT-BTTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Thông tư	Viễn thông, CNTT, điện tử, Lĩnh vực khác	<u>Quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước</u>	11/08/2011
05/2014/TT-BTTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Thông tư	Lĩnh vực khác	<u>Thông tư Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông</u>	19/03/2014
20/2017/TT-BTTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Thông tư	Viễn thông, CNTT, điện tử, An toàn thông tin	<u>Quy định về điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc</u>	12/9/2017
13/2018/TT-BTTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Thông tư	An toàn thông tin	<u>Quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng</u>	15/10/2018



III. Các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam về ATTT

3. Văn bản theo hình thức “Công văn điều hành”.

- ✓ Công văn là phương tiện giao tiếp chính thức của cơ quan Nhà nước với cấp trên, cấp dưới và với công dân. Thậm chí trong các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp trong hoạt động hàng ngày cũng phải soạn thảo và sử dụng công văn để thực hiện các hoạt động thông tin và giao dịch nhằm thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của mình
- ✓ **Ví dụ:**

Số hiệu	Cơ quan ban hành	Hình thức văn bản	Lĩnh vực	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành
3024/BTTTT-VNCERT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Công văn điều hành	CNTT, điện tử	Hướng dẫn một số giải pháp tăng cường bảo đảm an toàn cho hệ thống thông tin	01/09/2016
1790/BTTTT-VNCERT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Công văn điều hành	CNTT, điện tử, Lĩnh vực khác	V/v tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin cho cổng/trang thông tin điện tử	20/06/2011

III. Các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam về ATTT



4. Văn bản theo hình thức “Nghị định”.

- ✓ Nghị định là Một loại văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, chủ yếu được Chính phủ sử dụng với tư cách là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.
- ✓ Ví dụ:

Số hiệu	Cơ quan ban hành	Hình thức văn bản	Lĩnh vực	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành
108/2016/NĐ-CP	Chính phủ	Nghị định	CNTT, điện tử	Quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng	01/07/2016
85/2016/NĐ-CP	Chính phủ	Nghị định	CNTT, điện tử	Về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	01/07/2016



III. Các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam về ATTT

5. Văn bản theo hình thức “Luật”.

- ✓ Văn bản pháp luật là một hình thức để chủ thể mang thẩm quyền thể hiện ý chí, được thể hiện dưới dạng ngôn ngữ viết thông qua văn bản, ban hành qua các hình thức, thủ tục mà pháp luật đã quy định.
- ✓ **Ví dụ:** Văn bản luật chính thức được ban hành vào năm 2015, đưa ra những quy định, mức xử phạt, luật lệ chặt chẽ về an toàn thông tin mạng.

Số hiệu	Cơ quan ban hành	Hình thức văn bản	Lĩnh vực	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành
86/2015/QH13	Quốc hội	Luật	Viễn thông, CNTT, điện tử	Luật An toàn thông tin mạng	19/11/2015



III. Các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam về ATTT

6. Văn bản theo hình thức “Chỉ thị”.

- ✓ Chỉ thị dùng để truyền đạt các chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức, bộ máy, chấn chỉnh công tác, giao nhiệm vụ và đôn đốc các cơ quan cấp dưới, có khi là các ngành, các cấp thực hiện nhiệm vụ của chính quyền nhà nước.

- ✓ Ví dụ:

Số hiệu	Cơ quan ban hành	Hình thức văn bản	Lĩnh vực	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành
06/2004/CT-BBCVT	Bộ Bưu chính, Viễn thông	Chỉ thị	Viễn thông	Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin Bưu chính, Viễn thông và Internet trong tình hình mới	07/05/2004
30/2007/CT-TTg	Thủ tướng Chính phủ	Chỉ thị	Viễn thông	Về việc tăng cường bảo vệ các tuyến cáp viễn thông ngầm trên biển và bảo đảm an toàn viễn thông quốc tế	13/12/2007

Ví dụ (tiếp):



897/CT-TTg	Thủ tướng Chính phủ	Chỉ thị	CNTT, điện tử, Lĩnh vực khác	<u>V/v tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin số</u>	10/06/2011
04/CT-BTTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông	Chỉ thị	Viễn thông	<u>Về tăng cường công tác quản lý, kiểm tra việc sử dụng điện thoại không dây để đảm bảo an toàn cho các hệ thống thông tin vô tuyến điện.</u>	11/10/2010

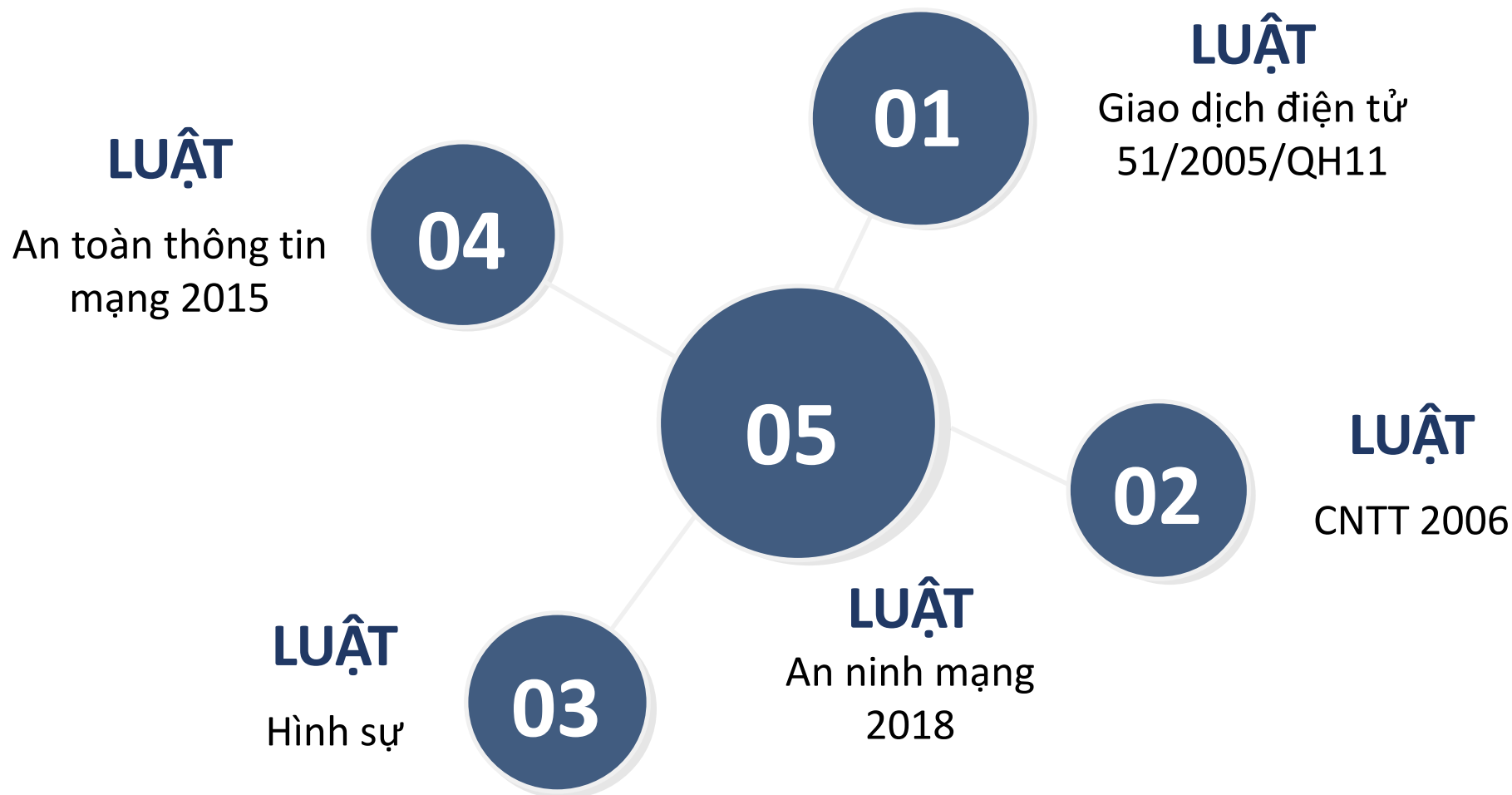
- Các chỉ thị chủ yếu có nội dung là **tăng cường các công tác quản lý, bảo vệ, an ninh về thông tin mạng, hệ thống mạng** vào những năm 2000-2010, đây cũng chính là giai đoạn mà mạng internet xuất hiện và phát triển rất mạnh mẽ ở nước ta.

04

IV. Luật Việt Nam về ATTT

IV. Luật Việt Nam về ATTT

1. Sơ lược về các luật có liên quan đến ATTT tại Việt Nam



1. Sơ lược về các luật có liên quan đến ATTT tại Việt Nam

1.1. Luật giao dịch điện tử 51/2005/QH11

Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 được QH **thông qua** 29/11/2005 xác định các **hành vi không được phép** trong các **giao dịch điện tử** trong Điều 9 cụ thể:

1

Cản trở việc lựa chọn sử dụng giao dịch điện tử

2

Cản trở hoặc ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận thông điệp dữ liệu

3

Thay đổi, xoá, huỷ, giả mạo, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ thông điệp dữ liệu.

4

Tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống điều hành hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại hạ tầng công nghệ về giao dịch điện tử.

5

Tạo ra thông điệp dữ liệu nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật

6

Gian lận, mạo nhận, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép chữ ký điện tử của người khác.

1. Sơ lược về các luật có liên quan đến ATTT tại Việt Nam



1.2. Luật CNTT 2006

- Là cơ sở pháp lý quan trọng để xác định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về Công nghệ thông tin của Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước, trong đó:

CHƯƠNG I

Trình bày phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, thanh tra công nghệ thông tin, hiệp hội công nghệ thông tin và các hành vi bị nghiêm cấm

CHƯƠNG II

Trình bày các quy định chung về ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tổng thương mại và một số lĩnh vực khác

CHƯƠNG III

Trình bày những vấn đề liên quan đến nghiên cứu, phát triển CNTT, phát triển nhân lực và công nghiệp, dịch vụ CNTT

CHƯƠNG IV

Trình bày các biện pháp bảo đảm ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

CHƯƠNG V

Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm



1. Sơ lược về các luật có liên quan đến ATTT tại Việt Nam

1.3. Luật Hình sự

- Luật hình sự sửa đổi bổ sung 2009/Chương XIX cho bộ luật 1999 (có hiệu lực từ 1/1/2010) xác định các hành vi tội phạm mạng trong các điều khoản:

Điều 224

Tội phát tán vi rút, chương trình tin học có tính năng gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet, thiết bị số

Điều 226

Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet

Điều 225

Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet, thiết bị số

Điều 226a

Tội truy cập bất hợp pháp vào mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số của người khác

Điều 226b

Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

1. Sơ lược về các luật có liên quan đến ATTT tại Việt Nam



1.4. Luật An toàn thông tin mạng 2015

- Được quốc hội thông qua vào tháng 11/2015 (số hiệu: 86/2015/QH13), có hiệu lực từ 1/7/2016.
- Quy định về hoạt động an toàn thông tin mạng, quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm an toàn thông tin mạng; mật mã dân sự; áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động an toàn thông tin mạng tại Việt Nam

Gồm 8 chương 54 điều:

Chương 1: Những quy định chung

Chương 2: Đảm bảo an toàn thông tin mạng

Chương 3: Mật mã dân sự

Chương 4: Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng

Chương 5: Kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng

Chương 6: Phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin mạng

Chương 7: Quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng

Chương 8: Điều khoản thi hành

1. Sơ lược về các luật có liên quan đến ATTT tại Việt Nam

1.5. Luật An ninh mạng 2018

- Được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 5
- Quy định về những vấn đề chính trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

Gồm 7 chương 43 điều:

- ✓ Chương 1: Những quy định chung
- ✓ Chương 2: Bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia
- ✓ Chương 3: Phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng
- ✓ Chương 4: Hoạt động bảo vệ an ninh mạng
- ✓ Chương 5: Đảm bảo hoạt động bảo vệ an ninh mạng
- ✓ Chương 6: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức cá nhân
- ✓ Chương 7: Điều khoản thi hành



So sánh:

Luật ATTT mạng 2015

Mục đích để bảo vệ sự an toàn thông tin trên 03 phương diện: **tính nguyên vẹn** của thông tin, **tính bảo mật** thông tin và **tính khả dụng** của thông tin

Luật An ninh mạng 2018

Tập trung vào **chống lại các thông tin độc hại, xâm phạm** đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức, cơ quan trên môi trường mạng.

1. Sơ lược về các luật có liên quan đến ATTT tại Việt Nam

1.5. Luật An ninh mạng 2018



Các hành vi bị nghiêm cấm và điều chỉnh

- Điều 8 của Luật này quy định các hành vi bị nghiêm cấm trên môi trường mạng
- Khoản 3 Điều 26 của Luật yêu cầu doanh nghiệp trong nước và nước ngoài cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng internet và các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có hoạt động thu thập, khai thác, phân tích, xử lý dữ liệu về thông tin cá nhân phải lưu trữ dữ liệu này tại Việt Nam trong thời gian theo quy định của Chính phủ. Riêng doanh nghiệp nước ngoài phải đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

IV. Luật Việt Nam về ATTT

2. Các điều kiện hoạt động trong không gian mạng

Nghị định 160/2004/NĐ-CP

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về viễn thông cụ thể trong điều 3 về đảm bảo an toàn mạng viễn thông và an ninh, điều 4 về đảm bảo bí mật thông tin

Nghị định 97/2008/NĐ-CP

Quy định chi tiết về việc quản lý, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet tại Việt Nam, chi tiết trong điều 4,7,8,9,10

Luật giao dịch điện tử 51/2005/QH11

Được QH thông qua 29/11/2005 xác định điều kiện đảm bảo cho các giao dịch trong Điều 22 và 41, cụ thể:

- ✓ Điều 22: Điều kiện để bảo đảm an toàn cho chữ ký điện tử
- ✓ Điều 41: Bảo đảm an toàn, bảo mật và lưu trữ thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước

Nghị định 90/2008/ NĐ-CP

Phân loại Spam theo nghị định bao gồm:

- ✓ **Email, tin nhắn di động** với mục đích lừa đảo, quấy rối, phát tán vi rút máy tính và mã độc.
- ✓ **Email và tin nhắn quảng cáo** vi phạm quy tắc gửi tin nhắn và email quảng cáo.



IV. Luật Việt Nam về ATTT



2. Các điều kiện hoạt động trong không gian mạng

Luật an toàn thông tin mạng

Đối với việc quản lý gửi thông tin, bộ luật yêu cầu:

- ✓ Không giả mạo nguồn gốc gửi thông tin;
- ✓ Thông tin thương mại cần được sự đồng ý hay yêu cầu của người nhận
- ✓ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cần đảm bảo việc lưu trữ thông tin và bảo vệ thông tin cá nhân và tổ chức, áp dụng biện pháp ngăn chặn khi có hành vi gửi thông tin vi phạm pháp luật và có phương thức để người nhận từ chối nhận thông tin
- ✓ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thư điện tử, truyền tin, lưu trữ thông tin phải có hệ thống lọc phần mềm độc hại trong quá trình gửi, nhận, lưu trữ thông tin trên hệ thống của mình
- ✓ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có biện pháp quản lý, phát hiện, ngăn chặn phát tán thông tin, phần mềm độc hại, thư rác và xử lý theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



Bộ luật đề ra các cấp độ với việc bảo vệ hệ thống thông tin:.

Gồm có 5 cấp độ:

1

Cấp độ 1

Khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân nhưng không làm tổn hại tới lợi ích công cộng, trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia

2

Cấp độ 2

Khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc làm tổn hại tới lợi ích công cộng nhưng không làm tổn hại tới trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia

3

Cấp độ 3

Khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại nghiêm trọng tới sản xuất, trật tự xã hội và lợi ích công cộng hoặc tạo thành tổn hại tới quốc phòng, an ninh quốc gia

4

Cấp độ 4

Khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại đặc biệt nghiêm trọng tới lợi ích công cộng và trật tự an toàn xã hội hoặc tạo thành tổn hại nghiêm trọng tới quốc phòng, an ninh quốc gia

5

Cấp độ 5

Khi bị phá hoại sẽ tạo thành tổn hại đặc biệt nghiêm trọng tới quốc phòng, an ninh quốc gia

IV. Luật Việt Nam về ATTT



3. Các trọng tâm quản lý nhà nước về ATTT

Theo quy định tại **Điều 51 Luật an toàn thông tin mạng 2015** thì những nội dung quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng bao gồm:

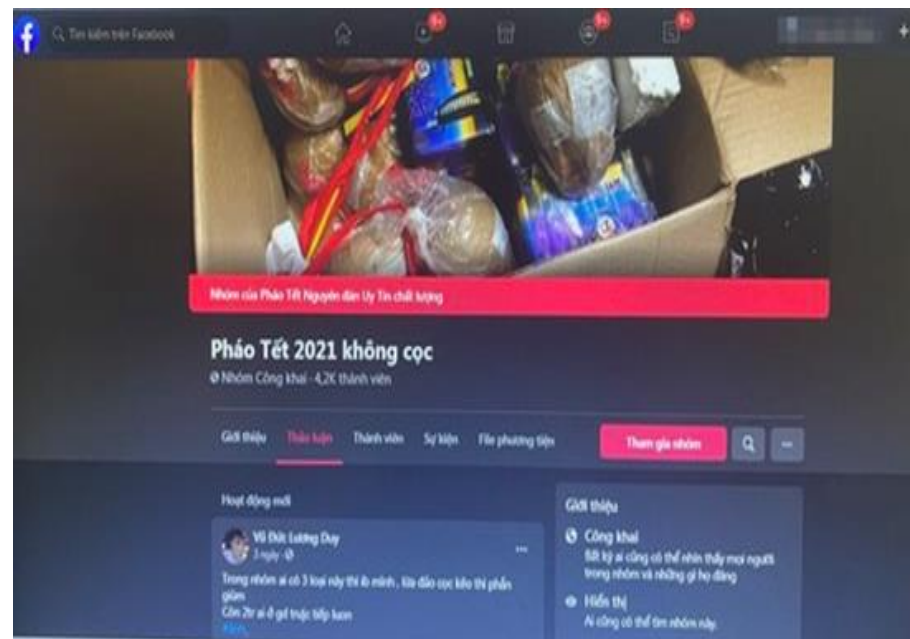
- ✓ Xây dựng chiến lược, kế hoạch và chính sách trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng;
- ✓ Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thông tin mạng; xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia, ban hành quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin mạng.
- ✓ Quản lý nhà nước về mật mã dân sự
- ✓ Quản lý công tác đánh giá, công bố hợp chuẩn, hợp quy về an toàn thông tin mạng
- ✓ Quản lý công tác giám sát an toàn hệ thống thông tin
- ✓ Thẩm định về an toàn thông tin mạng trong hồ sơ thiết kế hệ thống thông tin
- ✓ Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn thông tin mạng
- ✓ Quản lý hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
- ✓ Hợp tác quốc tế về an toàn thông tin mạng.
- ✓ ...

IV. Luật Việt Nam về ATTT

4. Ví dụ

Tình huống: Bạn A học lớp 9 rất thích đốt pháo, lần la lên mạng bạn A được một tài khoản facebook mời mua pháo với giá 200k/hộp. A đã nói dối bố mẹ là cần 200k để nộp tiền học, sau khi bố mẹ cho tiền thì A đã mua card điện thoại rồi nhắn mã số cho người bán pháo trên mạng để mua pháo về đốt.

Hỏi: Việc A lên mạng xã hội mua pháo có đúng không? vì sao?



4. Ví dụ

Xử lý tình huống:

- Hành vi của người bán pháo cũng như của A là vi phạm pháp luật, vì theo Điểm d Khoản 1 Điều 18 Luật An ninh mạng thì hành vi Tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật là vi phạm pháp luật.
- Vi phạm 1 trong các điều kiện hoạt động trong không gian mạng.
- Căn cứ Điều 9 Luật An ninh mạng 2018 quy định thì, Người nào có hành vi vi phạm quy định của Luật An ninh mạng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị:
 - ✓ Xử lý kỷ luật;
 - ✓ Xử lý vi phạm hành chính;
 - ✓ Bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật

=>. Hành vi của A sẽ bị xử lý **hành chính**: Phạt tiền từ **5 đến 10 triệu đồng** về hành vi **Sản xuất, tàng trữ, mua, bán, vận chuyển trái phép** pháo, thuốc pháo và đồ chơi nguy hiểm (Nghị định 167/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình)

V. Thực trạng ATTT mạng ở Việt Nam



1. Thực trạng

- ✓ Không gian mạng đã trở thành môi trường trọng điểm cho các hoạt động **xâm phạm an ninh, hoạt động tội phạm, tán phát thông tin giả mạo**; kích động biểu tình, gây rối an ninh trật tự xã hội, trở thành môi trường quan trọng trong hoạt động của các tổ chức khủng bố quốc tế, nhất là các hoạt động tuyên truyền, tuyển lựa, huấn luyện và chỉ đạo hoạt động của các mạng lưới.
- ✓ Hoạt động **tấn công mạng, gián điệp** mạng diễn biến hết sức phức tạp và ngày càng trở nên nguy hiểm hơn. Đã xuất hiện nhiều cuộc tấn công mạng quy mô rộng lớn, phạm vi ảnh hưởng mang tính toàn cầu. Có chiều hướng gia tăng mạnh về số lượng cũng như mức độ nguy hiểm.
- ✓ Ngoài ra các hoạt động **chiếm đoạt, lạm dụng** thông tin cá nhân, dữ liệu người dùng đang diễn ra công khai.

VD: 14 hành vi vi phạm luật An ninh mạng dễ mắc phải



1 Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về an ninh, trật tự

2 Thông tin bịa đặt, sai sự thật, trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, gây hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế - xã hội, gây thiệt hại cho hoạt động của cơ quan nhà nước, người thi hành công vụ, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân

3 Thông tin trên không gian mạng có nội dung bịa đặt, sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế - xã hội, gây thiệt hại cho hoạt động của cơ quan nhà nước, người thi hành công vụ, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân

4 Thông tin trên không gian mạng có nội dung bịa đặt, sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế - xã hội, gây thiệt hại cho hoạt động của cơ quan nhà nước, người thi hành công vụ, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân

5 Thông tin bịa đặt, sai sự thật, trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, gây hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế - xã hội, gây thiệt hại cho hoạt động của cơ quan nhà nước, người thi hành công vụ, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân

6 Thông tin trên không gian mạng có nội dung bịa đặt, sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế - xã hội, gây thiệt hại cho hoạt động của cơ quan nhà nước, người thi hành công vụ, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân

7 Thông tin trên không gian mạng có nội dung bịa đặt, sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế - xã hội, gây thiệt hại cho hoạt động của cơ quan nhà nước, người thi hành công vụ, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân

8 Thông tin trên không gian mạng có nội dung bịa đặt, sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế - xã hội, gây thiệt hại cho hoạt động của cơ quan nhà nước, người thi hành công vụ, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân

9 Đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 16 và hành vi quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật An ninh mạng

10 Cố ý nghe, ghi âm, ghi hình trái phép các cuộc đàm thoại

11 Hướng dẫn người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật

12 Tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật

13 Chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng Internet; trộm cắp cước viễn thông quốc tế trên nền Internet; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng

14 Phát tán chương trình tin học gây hại cho mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử

LUẬT AN NINH MẠNG
NGHIÊM CẤM NHỮNG HÀNH VI NÀO?

BTH
Báo Thanh Hóa

V. Thực trạng ATTT mạng ở Việt Nam



2. Nguyên nhân

Các văn bản pháp luật còn quản lý những lĩnh vực đơn lẻ, chưa đầy đủ, hiệu lực thi hành chưa cao



Chưa quy định cụ thể hình thức, biện pháp thu thập chứng cứ



Sự phát triển nhanh của CNTT tạo ra nhiều lỗ hổng để hacker tấn công



V. Thực trạng ATTT mạng ở Việt Nam

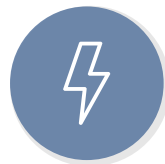


3. Giải pháp



Tập trung triển khai

- ✓ Tập trung triển khai có hiệu quả các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đi đôi với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng



Tiếp tục tăng cường

- ✓ Tiếp tục tăng cường thực hiện các giải pháp bảo đảm an ninh mạng và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên không gian mạng



Đẩy mạnh nghiên cứu

- ✓ Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển công nghệ thông tin, nhằm tự chủ về công nghệ và trang thiết bị, nâng cao chất lượng đào tạo về công nghệ thông tin và an ninh mạng

06

VI. **LIÊN HỆ** Luật QUỐC TẾ

VI. Liên hệ Luật quốc tế

1. Các luật ATTT và tổ chức luật quốc tế

- ✓ **Hội đồng châu Âu về chống tội phạm mạng (Council of Europe Convention on Cybercrime)**

Hiệp ước về chống tội phạm mạng được Hội đồng châu Âu phê chuẩn vào năm 2001

- ✓ **Hiệp ước bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights (TRIPS))**

Do Tổ chức Thương mại thế giới WTO chủ trì đàm phán trong giai đoạn 1986–1994

- ✓ **Digital Millennium Copyright Act (DMCA)**

Luật bản quyền số Thiên niên kỷ



2. Luật ATTT ở Mỹ



➤ Các luật tội phạm máy tính:

- ✓ **Computer Fraud and Abuse Act of 1986** (CFA Act) – quy định về các tội phạm lừa đảo và lạm dụng máy tính
- ✓ **Computer Security Act, 1987** (**Luật An Toàn Máy Tính**): đề ra các nguyên tắc đảm bảo an toàn cho hệ thống máy tính
- ✓ **National Information Infrastructure Protection Act of 1996** (**Luật bảo vệ cơ sở hạ tầng thông tin Quốc Gia**): là bản sửa đổi của CFA Act, tăng khung hình phạt một số tội phạm máy tính đến 20 năm tù;
- ✓ **USA PATRIOT Act, 2001** (**Luật Ái Quốc** hay gọi là điều **Luật PATRIOT**): cho phép các cơ quan chính quyền một số quyền nhằm phòng chống khủng bố hiệu quả hơn
- ✓ **USA PATRIOT Improve-ment and Reauthorization Act** (**Luật bổ sung và ủy quyền Luật Ái Quốc**): Mở rộng của USA PATRIOT Act, 2001, cấp cho các cơ quan chính quyền nhiều quyền hạn hơn cho nhiệm vụ phòng chống khủng bố

2. Luật ATTT ở Mỹ



➤ Các luật về sự riêng tư:

Bảo vệ quyền riêng tư của người dùng, bảo vệ các thông tin cá nhân của người dùng

- ✓ **Federal Privacy Act, 1974** (Luật bảo vệ quyền riêng tư Liên Bang): luật Liên bang Mỹ bảo vệ quyền riêng tư của người dùng
- ✓ **Electronic Communications Privacy Act, 1986**: luật bảo vệ quyền riêng tư trong các giao tiếp điện tử
- ✓ **Health Insurance Portability and Accountability Act, 1996 (HIPAA)**: bảo vệ tính bí mật và an toàn của các dữ liệu y tế của người bệnh: Tổ chức/cá nhân vi phạm có thể bị phạt đến 250.000 USD hoặc 10 năm tù;
- ✓ **Financial Services Modernization Act or Gramm-Leach-Bliley Act, 1999** (Luật hiện đại hóa các dịch vụ tài chính): điều chỉnh các hoạt động liên quan đến ATTT của các ngân hàng, bảo hiểm và các hãng an ninh

2. Luật ATTT ở Mỹ



➤ Luật xuất khẩu và chống gián điệp

Hạn chế việc xuất khẩu các công nghệ và hệ thống xử lý thông tin và phòng chống gián điệp kinh tế

- ✓ **Economic Espionage Act, 1996** (Luật chống gián điệp kinh tế): phòng chống việc thực hiện giao dịch có liên quan đến bí mật kinh tế và công nghệ
- ✓ **Security and Freedom through Encryption Act, 1999** (Luật An Toàn và Tự Do thông qua Mã Hóa): quy định về các vấn đề có liên quan đến sử dụng mã hóa trong đảm bảo an toàn và tự do thông tin



➤ Luật bản quyền

- ✓ **U.S. Copyright Law** (Luật bản quyền của Mỹ): Điều chỉnh các vấn đề có liên quan đến xuất bản, quyền tác giả của các tài liệu, phần mềm, bao gồm cả các tài liệu số



➤ Luật tự do thông tin

- ✓ **Freedom of Information Act, 1966 (FOIA)**: Các cá nhân được truy nhập các thông tin không gây tổn hại đến an ninh quốc gia

3. So sánh luật ATTT ở Quốc tế và Việt Nam

- VD:

3.1

Vấn đề dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư

1. Các điều kiện để thu thập, xử lý Dữ liệu cá nhân hợp pháp
2. Quyền của Chủ thể dữ liệu và các Trường hợp hạn chế quyền
3. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên thu thập, xử lý Dữ liệu
4. Chuyển tải dữ liệu qua biên giới
5. Chế tài và xử phạt

3.2

Vấn đề bản quyền

3. So sánh luật ATTT Mỹ - Việt Nam

3.1

Vấn đề dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư

GDPR: quy định bảo vệ dữ liệu

Là quy định của luật EU về bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư cho tất cả các cá nhân trong Liên minh châu Âu và Khu vực kinh tế châu Âu.

Nó cũng đề cập đến việc xuất dữ liệu cá nhân bên ngoài EU và EEA. GDPR nhằm **mục đích**:

- ✓ **Cung cấp cho kiểm soát** cho công dân và cư dân trên dữ liệu cá nhân của họ
- ✓ **Đơn giản hóa môi trường pháp lý** cho kinh doanh quốc tế bằng cách thống nhất các quy định trong EU.

Dự Thảo Luật An Ninh Mạng ở Việt Nam

Cụ thể là Trong Dự Thảo Luật An Ninh Mạng vào ngày mùng 3/10/2018 trong chương 5 có các quy định về vấn đề lưu trữ dữ liệu và đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Thứ nhất:

Luật An Ninh Mạng yêu cầu các công ty phải lưu dữ liệu ở Việt Nam, nhưng GDPR ko bắt buộc phải lưu dữ liệu ở Châu Âu, miễn sao dữ liệu được lưu ở một quốc gia đạt tiêu chuẩn an toàn dữ liệu

Thứ hai:

GDPR không có bất kỳ điều luật nào yêu cầu các công ty phải cung cấp dữ liệu của người dân châu Âu cho Nghị viện châu Âu hay chính phủ các nước thành viên, vì bảo vệ riêng tư cho người dân, là không chuyển dữ liệu cho chính phủ nếu không có lệnh của Tòa Án.

Thứ ba:

Luật An Ninh Mạng hay là dự thảo đã tước đi quyền ẩn danh trên Internet.

3.1

Vấn đề dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư

Chúng ta có các sự khác nhau sau đây:

1. Các điều kiện để thu thập, xử lý Dữ liệu cá nhân hợp pháp

Tại Châu Âu	Tại Việt Nam
<p>GDPR đặt ra sáu điều kiện cụ thể yêu cầu bên xử lý dữ liệu phải thỏa mãn ít nhất một trong các điều kiện đó, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">✓ Có chấp thuận của chủ thể dữ liệu cho mục tiêu cụ thể.✓ Có sự cần thiết để thực hiện hợp đồng có liên quan.✓ Để tuân thủ nghĩa vụ pháp lý của bên xử lý dữ liệu.✓ Cần thiết để bảo vệ lợi ích sống còn của chủ thể dữ liệu hoặc một người khác.✓ Cần thiết để thực hiện một công vụ vì lợi ích công.✓ Cần thiết vì lợi ích hợp pháp của bên khác với điều kiện không hạn chế quyền tự do cơ bản của chủ thể dữ liệu, đặc biệt quyền của trẻ em	<p>Điều 17, Luật An toàn thông tin mạng chỉ có quy định hai điều kiện chung có tính nguyên tắc, theo đó bên xử lý dữ liệu được:</p> <ul style="list-style-type: none">✓ Tiến hành thu thập thông tin cá nhân sau khi có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân về phạm vi, mục đích của việc thu thập và sử dụng thông tin đó.✓ Chỉ sử dụng thông tin cá nhân đã thu thập vào mục đích khác mục đích ban đầu sau khi có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân

2. Quyền của Chủ thể dữ liệu và các Trường hợp hạn chế quyền

Tại Châu Âu

Các quyền này được liệt kê rất chi tiết trong **GDPR** (với 10 quyền khác nhau cùng các tình huống cụ thể để áp dụng) như sau:

- ✓ **Quyền được đối xử minh bạch**, chu đáo khi tương tác, liên hệ với bên thu thập, xử lý dữ liệu để thực hiện các quyền của mình;
- ✓ **Quyền được bên thu thập**, xử lý dữ liệu cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan khi dữ liệu cá nhân được tiếp nhận từ chính chủ thể dữ liệu hoặc từ bất cứ nguồn nào khác
- ✓ **Quyền được tiếp cận** bên xử lý dữ liệu và các dữ liệu cá nhân đã xử lý trong bất cứ công đoạn nào;
- ✓ **Quyền được khắc phục** các sai sót về dữ liệu đã thu nhận và xử lý;
- ✓ **Quyền được yêu cầu xoá** bỏ dữ liệu (quyền lãng quên), trừ trường hợp việc xử lý dữ liệu cần thiết vì mục đích công cộng;
- ✓ **Quyền được yêu cầu các hạn chế** trong xử lý dữ liệu;
- ✓ **Quyền được yêu cầu thông báo** về biện pháp xoá bỏ dữ liệu hay hạn chế xử lý dữ liệu cho tất cả các bên liên quan sử dụng dữ liệu;
- ✓ **Quyền được yêu cầu bên thu thập**, xử lý dữ liệu cung cấp các dữ liệu đã xử lý thể hiện bằng những hình thức phù hợp nhất để có thể sử dụng hoặc truyền tải cho bên xử lý khác;
- ✓ **Quyền phản đối** bất cứ bên xử lý dữ liệu nào về việc xử lý dữ liệu liên quan đến mình, đặc biệt việc xử lý dữ liệu cho mục đích tiếp thị, quảng cáo; và
- ✓ **Quyền yêu cầu loại trừ** bản thân khỏi đối tượng của việc xử lý dữ liệu tự động dẫn đến hậu quả pháp lý có liên quan đến mình.

Tại Việt Nam

Tiếp cận vấn đề từ góc độ quyền chủ động của chủ thể dữ liệu, **Luật An toàn thông tin** chỉ quy định hai trường hợp sau đây: Tiến hành thu thập thông tin cá nhân sau khi có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân về phạm vi, mục đích của việc thu thập và sử dụng thông tin đó.

- ✓ **Thứ nhất**, chủ thể thông tin cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân **xử lý thông tin cá nhân cung cấp** thông tin cá nhân của mình mà tổ chức, cá nhân đó đã thu thập, lưu trữ (Điều 17, Khoản 3)
- ✓ **Thứ hai**, chủ thể thông tin cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân **xử lý thông tin cá nhân cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ thông tin** cá nhân của mình mà tổ chức, cá nhân đó đã thu thập, lưu trữ hoặc ngừng cung cấp thông tin cá nhân của mình cho bên thứ ba (Điều 18, Khoản 1);

3. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên thu thập, xử lý Dữ liệu

Tại Châu Âu

Về trách nhiệm chung, có bốn nội dung có tính nguyên tắc mà các bên thu thập, xử lý dữ liệu phải tuân thủ, đó là:

- ✓ Phải có hệ thống kỹ thuật và chính sách được thiết kế chủ động cho mục tiêu bảo vệ dữ liệu.
- ✓ Chỉ được thu thập và xử lý dữ liệu phục vụ và trong phạm vi các mục tiêu được xác định trước.
- ✓ Phải có báo cáo lý lịch của mọi khâu xử lý dữ liệu.
- ✓ Cần hợp tác với các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư

Về các nghĩa vụ cụ thể, có bốn nhóm được quy định sau:

- ✓ Nhóm 1: Bảo đảm An toàn dữ liệu
- ✓ Nhóm 2: Đánh giá tác động và tham vấn
- ✓ Nhóm 3: Trang bị nhân sự chuyên trách bảo vệ dữ liệu
- ✓ Nhóm 4: Xây dựng và tuân thủ Quy tắc ứng xử trong bảo vệ dữ liệu chung (Code of Conduct) ở cấp độ Hiệp hội

Tại Việt Nam

Tại **Luật Giao dịch điện tử (Điều 46)** có quy định nguyên tắc chung, theo đó “Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”.

Một số Luật khác tương tự thuộc Luật An Toàn Thông Tin Mạng:

- ✓ Nghĩa vụ xây dựng và công bố công khai biện pháp xử lý, bảo vệ thông tin cá nhân (Điều 16)
- ✓ Và nghĩa vụ không được cung cấp, chia sẻ, phát tán thông tin cá nhân mà mình đã thu thập, tiếp cận, kiểm soát cho bên thứ ba, trừ trường hợp có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 17)

4. Chuyển tải dữ liệu qua biên giới

Tại Châu Âu

GDPR đưa ra 5 nguyên tắc:

- ✓ **Một là**, các điều kiện pháp lý về thu thập, xử lý dữ liệu cũng như quyền của chủ thể dữ liệu được áp dụng liên quan đến mọi dữ liệu cá nhân đã được xử lý được chuyển tải sang nước thứ ba hoặc được chuyển sang nước thứ ba để xử lý.
- ✓ **Hai là**, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ xem xét liệu nước thứ ba có đủ các điều kiện để bảo vệ dữ liệu cá nhân phù hợp hay không.
- ✓ **Ba là**, khi tiến hành chuyển giao dữ liệu, bên thu thập, xử lý dữ liệu phải bảo đảm có các biện pháp bảo vệ thích hợp
- ✓ **Bốn là**, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ xem xét, phê duyệt quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân của các tổ chức, công ty thực hiện chuyển giao dữ liệu qua biên giới.
- ✓ **Năm là**, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ hợp tác với nước thứ ba có liên quan để bảo đảm thực thi các quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân theo tiêu chuẩn của GDPR

Tại Việt Nam

Các quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam (bao gồm cả Luật An toàn thông tin và Luật An ninh mạng) đều chỉ quy định chung về **chức năng hợp tác** quốc tế của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà **không có nội dung cụ thể** về **các điều kiện** khi chuyển tải dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam sang nước thứ ba hoặc tổ chức quốc tế.

5. Cơ chế xử phạt

Tại Châu Âu	Tại Việt Nam
<p>Cơ chế bảo vệ quyền của các chủ thể dữ liệu là một trọng tâm của GDPR:</p> <ul style="list-style-type: none">✓ Bất kỳ cá nhân nào khi thấy quyền riêng tư của mình bị vi phạm bởi bên thu thập, xử lý dữ liệu đều có quyền khiếu nại lên Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khởi kiện tại Tòa án.✓ Vấn đề vi phạm quyền của chủ thể dữ liệu có thể ở quy mô lớn, GDPR cho phép bên thứ ba là các tổ chức xã hội hay hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng đại diện cho các bên bị hại để khiếu nại và khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại. Bên thu thập, xử lý dữ liệu cũng có thể bị xử phạt hành chính nếu vi phạm các quy định của GDPR và/hoặc các quy định pháp luật của quốc gia thành viên EU về bảo vệ dữ liệu cá nhân.	<p>Pháp luật quy định cả ba hình thức chế tài cho mục đích bảo vệ an toàn dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">✓ dân sự✓ hành chính✓ hình sự

3. So sánh luật ATTT Mỹ - Việt Nam

3.2

Vấn đề bản quyền

Quốc Tế	Việt Nam
DMCA được tạo ra do các ngành truyền thông lo ngại rằng không có đủ luật để bảo vệ ngành của họ khỏi vi phạm bản quyền	Tất cả các vấn đề bản quyền lại thuộc Luật Sở Hữu Trí Tuệ, các vấn đề bản quyền số vẫn chưa được viết rõ ràng, mở rộng và phân tách thành một bộ luật riêng như Đạo Luật Bản Quyền Kỹ Thuật Thiên Niên Kỷ. Điều đó dẫn đến việc, các vấn đề về Bản Quyền trên nền tảng số hiện nay vẫn còn nhiều lỗ hổng và không minh bạch.

Tại sao có sự khác biệt giữa luật ATTT ở **Mỹ** và **Việt Nam**?

Luật ATTT ở Mỹ

- ✓ Luật An Toàn Thông Tin Mỹ có thể nói là rất phức tạp: Mỹ là đất nước Tư Bản được chia nhỏ ra thành từng Bang, mỗi Bang lại có một bộ luật riêng, nên việc thiết lập các luật liên Bang chung là khó khăn
- ✓ Mỹ là đất nước luôn đi đầu về lĩnh vực Công Nghệ Thông Tin: tội phạm mạng và an ninh mạng có diễn biến hết sức phức tạp, Nên Luôn Tăng Cường thiết lập các Dự Luật An Ninh Mạng mới
- ✓ Nền văn hóa của các nước khác nhau nên cũng có thể ảnh hưởng đến các điều luật ATTT

Luật ATTT ở Việt Nam

- ✓ Tính chất Xã Hội Chủ Nghĩa ở Việt Nam, Luật và Hiến pháp do Quốc Hội (Cơ Quan Có Thẩm Quyền Cao Nhất ở Việt Nam) ban hành, cho nên ta có một bộ Luật ATTT mạng áp dụng cho toàn lãnh thổ Việt Nam
- ✓ Việt Nam là nước ở giai đoạn Đang Phát Triển, Công Nghệ chưa được cao như ở Mỹ cho nên việc các tội phạm nghiêm trọng đến an ninh quốc gia liên quan đến An Ninh Mạng vẫn còn ít, chưa nhiều. Các hình thức phạm tội vẫn chỉ dừng ở mức phá hủy tài sản cá nhân, doanh nghiệp, mua bán trái phép trên không gian mạng,...



THANKS For Attention!

Any question?